GAMMA

Trao gửi thành công



SKRETTING
a Nutreco company

GAMMA - THỨC ĂN CHẤT LƯỢNG CAO CHO TÔM THẺ CHÂN TRẮNG

- Gamma được thiết kế với 8 kích cỡ khác nhau nhằm đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng của tôm thẻ chân trắng ở từng giai đoạn phát triển.
- Thành phần nguyên liệu có độ dẫn dụ cao và công thức thức ăn được xây dựng dựa trên hệ tiêu hóa đặc trưng của tôm thẻ chân trắng. Vì vậy, Gamma không chỉ kích thích tôm hấp thụ thức ăn mà còn góp phần bảo vệ môi trường nước.
- Được sản xuất bằng dây chuyền hiện đại và công thức đột phá, Gamma luôn đảm bảo kết cấu và hàm lượng dinh dưỡng ổn định xuyên suốt quá trình lưu trữ và sử dụng.
- Gamma được bổ sung phospholipid, cholesterol, các vitamin và khoáng chất hỗ trợ quá trình lột vỏ, các chất tăng cường miễn dịch và nâng cao hiệu quả tiêu hóa, giúp tôm chống lại nhiễm trùng thông thường và góp phần giảm FCR đáng kể.

THÀNH PHẦN DINH DƯỠNG

Mã thức ăn	Dạng viên	Trọng lượng (kg/bao)	Đạm thô (% min.)	Béo thô (%)	Tro (% max.)	Xơ thô (% max.)	Độ ẩm (% max.)	Ca (%)	P (%)
Gamma 1	Mảnh 18-25 mesh	2 bao x 5 kg	40	5 - 7	14	3	11	1.5 – 2.3	1 - 2
Gamma 2	Viên 1.0x1.5-2 mm	10	40	5 - 7	14	4	11	1.5 – 2.3	1 - 2
Gamma 3	Viên 1.2x1.5-2 mm	20	40	5 - 7	14	4	11	1.5 – 2.3	1 - 2
Gamma 4	Viên 1.4x2-4 mm	20	40	4 - 6	14	4	11	1.5 – 2.3	1 - 2
Gamma 5	Viên 1.6x2-4 mm	20	38	4 - 6	15	4	11	1.5 – 2.3	1 - 2
Gamma 6	Viên 1.8x2-4 mm	20	38	4 - 6	15	4	11	1.5 – 2.3	1 - 2
Gamma 7	Viên 1.8x3-5 mm	20	38	4 - 6	15	4	11	1.5 – 2.3	1 - 2
Gamma 8	Viên 2x3-5 mm	20	36	4 - 6	15	4	11	1.5 – 2.3	1 - 2

GAMMA

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THỨC ĂN GAMMA CHO 100.000 PL10 TÔM THẺ CHÂN TRẮNG THẢ NUÔI MẬT ĐỘ 100 CON/M²

SKRETTING
a Nutreco company

Mã thức ăn	Ngày nuôi	T. Lượng tôm (g/con)	Lượng thức ăn (kg/ngày)	Tỷ lệ T.ăn cho vào toàn bộ nhá (%)	T.gian k.tra nhá (phút)
TB0	1	0.02	2.0		
	2	0.04	2.2		
	3	0.08	2.4		
	4	0.13	2.6		
	5	0.18	2.9		
GAMMA 1	6	0.24	3.2		
	7	0.30	3.5		
	8	0.37	3.9		
	9	0.44	4.3		
	10	0.52	4.7		
	11	0.60	5.2		
	12	0.69	5.7		
	13	0.79	6.2		
	14	0.90	6.7		
GAMMA 2	15	1.02	7.3		
	16	1.14	7.9		
	17	1.27	8.6		
	18	1.41	9.3		
	19	1.56	10.0		
	20	1.72	10.7		
	21	1.89	11.5		
	22	2.08	12.3	1,5	120
GAMMA 3	23	2.28	13.1	1,5	120
	24	2.48	13.9	1,5	120
	25	2.69	14.7	2,0	120
	26	2.90	15.5	2,0	120
	27	3.12	16.3	2,0	120
	28	3.35	17.1	2,0	120
	29	3.58	17.9	2,0	120
	30	3.81	18.7	2,0	120
	31	4.05	19.6	2.0	120
GAMMA 4	32	4.30	20.4	2,5	90
	33	4.55	21.2	2,5	90
	34	4.80	22.0	2,5	90
	35	5.06	22.8	2,5	90
	36	5.32	23.3	2,5	90
	37	5.58	23.9	2,5	90
	38	5.84	24.5	2,5	90

Mã thức ăn	Ngày nuôi	T. Lượng tôm (g/con)	Lượng thức ăn (kg/ngày)	Tỷ lệ T.ăn cho vào toàn bộ nhá (%)	T.gian k.tra nhá (phút)
	39	6.11	25.1	2,5	90
	40	6.38	25.7	3,0	90
	41	6.65	26.3	3,0	90
	42	6.92	26.9	3,0	90
	43	7.20	27.5	3,0	90
	44	7.48	28.1	3,0	90
	45	7.76	28.7	3,0	90
GAMMA 5	46	8.04	29.2	3,0	60
	47	8.32	29.8	3,0	60
	48	8.61	30.4	3,0	60
	49	8.90	31.0	3,0	60
	50	9.19	31.5	3,0	60
	51	9.48	32.1	3,0	60
	52	9.77	32.6	3,0	60
	53	10.06	33.2	3,0	60
	54	10.35	33.7	3,0	60
	55	10.64	34.3	3,0	60
	56	10.93	34.8	3,0	60
	57	11.22	35.4	3,0	60
	58	11.51	35.9	3,0	60
	59	11.81	36.4	3,0	60
	60	12.11	37.0	3,0	60
	61	12.41	37.5	3,5	60
GAMMA 6	62	12.71	38.0	3,5	60
	63	13.01	38.5	3,5	60
	64	13.32	39.0	3,5	60
	65	13.63	39.5	3,5	60
	66	13.94	40.0	3,5	60
	67	14.25	40.5	3,5	60
	68	14.56	41.0	3,5	60
	69	14.88	41.5	3,5	60
	70	15.20	42.0	3,5	60
	71	15.52	42.5	4,0	60
	72	15.84	43.0	4,0	60
	73	16.16	43.5	4,0	60
	74	16.48	43.9	4,0	60
	75	16.80	44.4	4,0	60
	76	17.13	44.9	4,0	60

Mã thức ăn	Ngày nuôi	T. Lượng tôm (g/con)	Lượng thức ăn (kg/ngày)	Tỷ lệ T.ăn cho vào toàn bộ nhá (%)	T.gian k.tra nhá (phút)
GAMMA 7	77	17.46	45.3	4,0	60
	78	17.79	45.8	4,0	60
	79	18.12	46.3	4,0	60
	80	18.45	46.7	4,0	60
	81	18.78	47.2	4,0	60
	82	19.11	47.6	4,0	60
	83	19.43	48.0	4,0	60
	84	19.75	48.5	4,0	60
	85	20.07	48.9	4,0	60
	86	20.39	49.3	4,0	60
	87	20.71	49.8	4,0	60
	88	21.03	50.2	4,0	60
	89	21.35	50.6	4,0	60
	90	21.67	51.0	4,0	60
	91	21.99	51.4	4,0	60
	92	22.31	51.8	4,0	60
	93	22.62	52.2	4,0	60
	94	22.93	52.6	4,0	60
	95	23.24	53.0	4,0	60
	96	23.55	53.4	4,0	60
	97	23.86	53.8	4,0	60
	98	24.17	54.2	4,0	60
	99	24.48	54.6	4,0	60
	100	24.79	54.9	4,0	60
	101	25.10	55.3	4,0	60
GAMMA 8	102	25.41	55.7	4,0	60
	103	25.72	56.0	4,0	60
	104	26.03	56.4	4,0	60
	105	26.34	56.7	4,0	60
	106	26.65	57.1	4,0	60
	107	26.96	57.4	4,0	60
	108	27.26	57.8	4,0	60
	109	27.56	58.1	4,0	60
	110	27.86	58.5	4,0	60
	111	28.16	58.8	4,0	60
	112	28.46	59.1	4,0	60

$$\text{Thức ăn cho vào 1 nhá} = \frac{\text{Tỷ lệ \% thức ăn cho vào toàn bộ nhá} \times \text{Lượng thức ăn trong cữ}}{\text{Số lượng nhá}}$$

**Số lần cho ăn: 4-5 lần/ ngày*

**Lượng thức ăn cho tôm ăn hàng ngày cần được điều chỉnh dựa theo sàng ăn, việc kiểm tra theo chu kỳ lột xác, sức khỏe của tôm, chất lượng nước và thời tiết.*

ĐIỀU CHỈNH LƯỢNG THỨC ĂN

Nếu trong nhá hết thức ăn	Tăng thêm 5% lượng thức ăn lần sau
Nếu trong nhá còn < 5%	Giữ nguyên lượng thức ăn lần sau
Nếu trong nhá còn 5 - 10%	Giảm 5% lượng thức ăn lần sau
Nếu trong nhá còn 10 - 25%	Giảm 10% lượng thức ăn lần sau
Nếu trong nhá còn > 25%	Ngừng cho ăn lần tiếp theo và bắt đầu cho ăn lại với lượng thức ăn giảm đi 50%. Tiếp tục với lượng thức ăn bình thường nếu trong nhá hết thức ăn.

GAMMA

Skretting là tập đoàn hàng đầu thế giới về cung cấp giải pháp dinh dưỡng sáng tạo và bền vững cho ngành nuôi trồng thủy sản, với trụ sở đặt tại Stavanger, Na-uy. Skretting có nhà máy tại 19 quốc gia ở khắp 5 châu lục, sản xuất và cung cấp thức ăn chất lượng cao cho hơn 60 loài thủy sản từ con giống đến khi thu hoạch. Tổng sản lượng thức ăn hàng năm đạt hơn 3.6 triệu tấn.

Tại Việt Nam, Sketting chuyên sản xuất thức ăn thủy sản chất lượng cao với 2 nhà máy đặt tại tỉnh Tây Ninh. Bên cạnh đó, Skretting còn cung cấp thức ăn thủy sản cho toàn bộ khu vực Nam Á.

Skretting có những đóng góp đáng kể vào sự phát triển bền vững của ngành nuôi trồng thủy sản bởi sự hiện diện toàn cầu, năng lực sáng tạo vượt trội, nền tảng kỹ thuật chuyên sâu cũng như khả năng ứng dụng những tiêu chuẩn cao nhất về chất lượng và an toàn.

Việc kiểm soát nguồn nguyên liệu và chất lượng thức ăn luôn là ưu tiên hàng đầu của Skretting. Chúng tôi ý thức rằng điều làm nên sự khác biệt của Skretting chính là tính nhất quán trong việc mang lại những sản phẩm chất lượng cao nhờ vào việc tuân thủ nghiêm ngặt những tiêu chuẩn như ISO 9001, GlobalG.A.P, BAP, ASC và Nutrace®. Trong đó, Nutrace® là tiêu chuẩn truy xuất nguồn gốc của Skretting được công nhận và tin tưởng bởi tất cả khách hàng ở các quốc gia mà Việt Nam xuất khẩu thủy sản.

Skretting cam kết thực thi trách nhiệm của mình trong toàn bộ chuỗi cung ứng, từ khâu nuôi đến bàn ăn, đảm bảo sản phẩm thủy sản ngon miệng và an toàn cho người tiêu dùng trong và ngoài nước.

SKRETTING
a Nutreco company



Công Ty TNHH Nutreco International (Việt Nam)

Lô C1-2, Đường số 1, Lô C13, Đường số 14, Khu công nghiệp Thuận Đạo mở rộng,
Xã Long Cang, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Điện thoại: (+84 272) 3630 313 | Fax: (+84 272) 3630 317

Email: contact@skretting.com | Website: www.skretting.vn

Facebook: Skrettingvietnam

nutrace

Best Aquaculture Practices™

GLOBALG.A.P.
The Global Partnership for Good Agricultural Practice